

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 280/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020, giữa :

Nguyên đơn: Chị Trương Thị M, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 324/3 đường B, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bị đơn: Anh Lê Hữu L, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số 8/7 Kiệt 393 đường B, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trương Thị M và anh Lê Hữu L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị M và anh L công nhận vợ chồng có 02 con chung là Lê Hữu Công H, sinh ngày: 21/11/1996 và Lê Hữu Công H, sinh ngày: 08/7/2001. Hiện các cháu đã trưởng thành nên việc ở với ai là quyền của các cháu. Chị M và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2 Về tài sản chung : Chị M và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về nợ chung: Chị M và anh L công nhận vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí tranh chấp Hôn nhân gia đình: gồm 150.000đồng (300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng). Chị Trương Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí. Chị M đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2013/009913 ngày 08/6/2020

của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Hoàn trả cho chị Mơ 150.000 đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSNDTP Huế;
- UBND phường T, TP Huế.
- **ĐKKH số 46 ngày 04/10/1995;**
- Chi cục THADS TP Huế;
- TAND tỉnh TT Huế
- Lưu dân;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huế